



**CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN
SÀI GÒN-HÀ NỘI**

Số: **135** /2020/QĐ-TGD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 10 tháng 09 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

(V/v: Công bố danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ tại SHS từ 10/09/2020)

TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN-HÀ NỘI

- Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội nước CHXHCNVN thông qua ngày 29/06/2006 và các văn bản sửa đổi, bổ sung và hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Thông tư số 74/2011/TT-BTC ngày 01 tháng 06 năm 2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn về giao dịch chứng khoán;
- Căn cứ Quyết định số 87/QĐ-UBCK ngày 25/01/2017 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc ban hành Quy chế hướng dẫn giao dịch ký quỹ chứng khoán;
- Căn cứ thông báo của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh về danh sách chứng khoán không đủ điều kiện giao dịch ký quỹ;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Loại cổ phiếu BVH (sàn HSX) và cổ phiếu HDA (sàn HNX) khỏi Danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ tại SHS từ ngày 10/09/2020.

Theo đó, Danh mục chứng khoán giao dịch ký quỹ tại SHS từ ngày 10/09/2020 bao gồm 368 mã chứng khoán (trong đó 260 mã chứng khoán sàn HSX và 108 mã chứng khoán sàn HNX) như Phụ lục đính kèm.

Điều 2. Quyết định này thay thế cho Quyết định số 133/2020/QĐ-TGD ngày 08 tháng 09 năm 2020 của Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn-Hà Nội.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các thành viên Ban Tổng Giám đốc, các Phòng ban có liên quan, các chi nhánh Công ty chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu VT.



VŨ ĐỨC TIỀN

PHỤ LỤC
DANH MỤC CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN GIAO DỊCH KÝ QUỸ
ÁP DỤNG TỪ NGÀY 10/09/2020

Sàn HSX			Sàn HNX	
STT	Mã		STT	Mã
1	AAA		1	AAV
2	ABT		2	ACB
3	ACC		3	AMV
4	AGG		4	ART
5	AMD		5	BCC
6	ANV		6	BPC
7	APC		7	BTS
8	APG		8	BVS
9	ASM		9	C69
10	ASP		10	CAP
11	AST		11	CPC
12	BBC		12	DAD
13	BCE		13	DAE
14	BCG		14	DBT
15	BFC		15	DHP
16	BIC		16	DHT
17	BID		17	DNP
18	BMC		18	DP3
19	BMI		19	DS3
20	BMP		20	DTD
21	BRC		21	DXP
22	BSI		22	EID
23	BTP		23	GMX
24	BTT		24	HAT
25	BWE		25	HCC
26	C32		26	HHC
27	C47		27	HHP
28	CAV		28	HJS
29	CCL		29	HLC
30	CDC		30	HLD
31	CII		31	HMH
32	CLC		32	HOM
33	CLL		33	HTC
34	CMG		34	HUT
35	CMX		35	HVT
36	CNG		36	ICG
37	COM		37	IDC
38	CRC		38	IDV
39	CRE		39	INN

Sàn HSX			Sàn HNX	
STT	Mã		STT	Mã
40	CSM		40	ITQ
41	CSV		41	KLF
42	CTD		42	L14
43	CTG		43	LHC
44	CTI		44	LIG
45	CTS		45	MBS
46	CVT		46	MCC
47	D2D		47	NAG
48	DAG		48	NDN
49	DAH		49	NET
50	DBC		50	NHA
51	DBD		51	NTP
52	DCL		52	NVB
53	DCM		53	ONE
54	DGC		54	PBP
55	DGW		55	PCE
56	DHA		56	PLC
57	DHC		57	PMC
58	DHG		58	PMS
59	DIG		59	PPS
60	DMC		60	PSD
61	DPG		61	PSE
62	DPM		62	PTI
63	DPR		63	PVC
64	DRC		64	PVI
65	DRH		65	PVS
66	DRL		66	QHD
67	DSN		67	QTC
68	DVP		68	RCL
69	EIB		69	S55
70	ELC		70	S99
71	EVG		71	SD5
72	FCM		72	SD9
73	FCN		73	SDT
74	FIR		74	SED
75	FIT		75	SFN
76	FLC		76	SGC
77	FMC		77	SHB
78	FPT		78	SHN

Handwritten signature

Sàn HSX			Sàn HNX	
STT	Mã		STT	Mã
79	FRT		79	SJE
80	FTS		80	SLS
81	GAS		81	TA9
82	GDT		82	TAR
83	GEX		83	TC6
84	GIL		84	TDN
85	GMC		85	TDT
86	GMD		86	THT
87	GSP		87	TIG
88	HAH		88	TNG
89	HAI		89	TPP
90	HAP		90	TTC
91	HAR		91	TTT
92	HAX		92	TVC
93	HBC		93	VC2
94	HCD		94	VC3
95	HCM		95	VC7
96	HDB		96	VCC
97	HDC		97	VCG
98	HDG		98	VCS
99	HHS		99	VGS
100	HII		100	VIT
101	HPG		101	VIX
102	HPX		102	VMC
103	HQC		103	VNC
104	HSG		104	VNF
105	HSL		105	VNR
106	HT1		106	VNT
107	HTI		107	VTV
108	HTL		108	WCS
109	HTV			
110	HVH			
111	ICT			
112	IDI			
113	IJC			
114	IMP			
115	ITA			
116	ITC			
117	ITD			
118	KBC			
119	KDC			
120	KDH			

Sàn HSX			Sàn HNX	
STT	Mã		STT	Mã
121	KMR			
122	KSB			
123	L10			
124	LBM			
125	LCG			
126	LDG			
127	LGC			
128	LHG			
129	LIX			
130	LSS			
131	MBB			
132	MCP			
133	MDG			
134	MSN			
135	MWG			
136	NAF			
137	NBB			
138	NCT			
139	NKG			
140	NLG			
141	NNC			
142	NSC			
143	NT2			
144	NTL			
145	NVL			
146	OPC			
147	PAC			
148	PAN			
149	PC1			
150	PDN			
151	PDR			
152	PET			
153	PGC			
154	PGD			
155	PGI			
156	PHC			
157	PHR			
158	PJT			
159	PLP			
160	PME			
161	PNJ			
162	POW			

Handwritten signature

Sàn HSX			Sàn HNX	
STT	Mã		STT	Mã
163	PPC			
164	PTB			
165	PVD			
166	PVT			
167	RAL			
168	RDP			
169	REE			
170	S4A			
171	SAB			
172	SAM			
173	SBA			
174	SBT			
175	SBV			
176	SC5			
177	SCD			
178	SCR			
179	SCS			
180	SFC			
181	SFG			
182	SFI			
183	SGN			
184	SHA			
185	SHI			
186	SHP			
187	SJD			
188	SJS			
189	SKG			
190	SMB			
191	SMC			
192	SPM			
193	SRC			
194	SRF			
195	SSC			
196	SSI			
197	ST8			
198	STB			
199	STK			
200	SVC			
201	SVI			
202	SZC			
203	SZL			
204	TAC			

Sàn HSX			Sàn HNX	
STT	Mã		STT	Mã
205	TBC			
206	TCB			
207	TCD			
208	TCH			
209	TCL			
210	TCM			
211	TCO			
212	TCT			
213	TDC			
214	TDM			
215	TDW			
216	THG			
217	THI			
218	TIP			
219	TLD			
220	TLG			
221	TMP			
222	TMS			
223	TNA			
224	TNC			
225	TNI			
226	TPB			
227	TPC			
228	TRA			
229	TRC			
230	TSC			
231	TTB			
232	TV2			
233	TVS			
234	TVT			
235	TYA			
236	UIC			
237	VAF			
238	VCB			
239	VCI			
240	VDP			
241	VDS			
242	VGC			
243	VHC			
244	VHM			
245	VIC			
246	VIP			

TY
 AN
 HOA
 ON
 VOI
 TP.

na

Sàn HSX			Sàn HNX	
STT	Mã		STT	Mã
247	VJC			
248	VMD			
249	VND			
250	VNE			
251	VNM			
252	VPB			
253	VPH			

Sàn HSX			Sàn HNX	
STT	Mã		STT	Mã
254	VPI			
255	VPS			
256	VRC			
257	VRE			
258	VSC			
259	VSI			
260	VTO			



re